TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP Thanh Hóa, ngày 04 tháng 6 năm 2019

Số: 09/2019/QĐST-KDTM

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2019/TLST-KDTM ngày 05/3/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: số 198 phố T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Xuân L - Phó phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T.

- **Bị đơn**: ông Chu Đình Y, bà Lê Thị T.

Trú tại: thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 03/11/2016 ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T ký hợp đồng cho vay hạn mức số 390/2016NT/HDTD với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh; hạn mức cho vay tối đa không quá 700.000.000đ; thời hạn vay tối đa 06 tháng đối với mỗi lần nhận nợ; lãi suất trong hạn là 8,5% năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Sau khi được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền trên, ông Y và bà T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, dư nợ còn lại là 500.000.000 đồng. Do thời hạn vay của hợp đồng cho vay hạn mức số 390/2016NT/HDTD ngày 03/11/2016 đã hết nên ngày 26/01/2018 ông Y và bà T tiếp tục ký hợp đồng cho vay theo hạn mức số 032/2018NT/HDTD với Ngân hàng

để vay số tiền 200.000.000 đồng bổ sung vốn kinh doanh của hộ gia đình; thời hạn vay tối đa là 06 tháng đối với mỗi lần nhận nợ; lãi suất trong hạn là 9,5% năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho các khoản tiền vay, ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T đã thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 134[(a)], tờ bản đồ số 14(E_48_08_212_a) bản đồ địa chính xã H, địa chỉ: thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nhà và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 750805 do UBND huyện H cấp ngày 30/9/2015 mang tên người sử dụng là Chu Đình Y và Lê Thị T. Hợp đồng thế chấp số 390/2016NT/HĐTC ngày 03/11/2016 ký giữa ông Chu Đình Y, bà Lê Thị T với Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: đối với các giấy nhận nợ số 06 ngày 25/10/2017, hạn trả nợ là ngày 25/4/2018; số 05 ngày 01/11/2017, hạn trả nợ là ngày 01/5/2018 và số 01 ngày 20/01/2018, hạn trả nợ ngày 27/7/2018 nhưng ông Y và bà T đều không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T phải trả toàn bộ số tiền nợ và lãi còn lại cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 27/5/2019, ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 797.909.188đ (trong đó: nợ gốc 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn 97.909.188 đồng).

2.2. Phương thức và thời gian trả nợ cụ thể:

- Chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng (tháng 6, 7, 8, 9 năm 2019) mỗi tháng ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), Ngân hàng sẽ thu vào nợ gốc.

- Số nợ còn lại (bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn) chậm nhất vào ngày 31/10/2019 ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T phải thanh toán hết cho Ngân hàng.

Kể từ ngày 28/5/2019 ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông Chu Đình Y, bà Lê Thị T vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào đã cam kết với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay, cụ thể: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 134[(a)], tờ bản đồ số 14(E_48_08_212_a) bản đồ địa chính xã H, địa chỉ: thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nhà và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 750805 do UBND huyện H cấp ngày 30/9/2015 mang tên người sử dụng là Chu Đình Y và Lê Thị T.

2.3. Về án phí: áp dụng khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần II, Điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Ông Chu Đình Y và bà Lê Thị T phải chịu 17.958.000đ (mười bảy triệu chín trăm năm mươi tám ngàn đồng - làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 17.171.000đ (mười bảy triệu một trăm bảy mươi mốt ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006846 ngày 26/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Hà